TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS - PT
Ngày: 13 - 02 - 2023
V/v: Tranh chấp lối đi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Yến, ông Nguyễn Hải Bằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2022/TLPT-DS ngày 05/10/2022 về "Tranh chấp lối đi". Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS - ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 04/2022/QĐ-PT ngày 12/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Q, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 332 Lương Thế V, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Ông Đào Văn K, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Xuân K, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đào Thị Phương L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Quán G, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Ông Đào Văn K (bị đơn).

- Ông Đào Văn C, sinh năm 1976

- Bà Lương Thị H1, sinh năm 1978

- Ông Hồ Văn P, sinh năm 1974

- Bà Vũ Thị Hoài Ph, sinh năm 1981

- Ông Đào Văn K1, sinh năm 1963

- Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1964

Đều có địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc N – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Chủ tịch.

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H và bị đơn ông Đào Văn K.

Tại phiên tòa có mặt chị H, ông Q, ông K, bà D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn trình bày: Năm 2020, chị H có nhận chuyển nhượng thửa đất số 292, tờ bản đồ số 42, diện tích 310,4m^2 tại thôn X, xã Đ, huyện C của anh Đào Duy T. Trước khi nhận chuyển nhượng đất, chị đã được anh T chỉ rõ ranh giới, vị trí, kích thước thửa đất đất. Thửa đất có cạnh phía Đông giáp hộ ông Đào Văn C; cạnh phía Tây giáp lối đi chung; cạnh phía Nam giáp ao của hộ ông Hồ Văn P; cạnh phía Bắc giáp đất hộ ông Đào Văn K1. Lối đi chung có chiều dài 25,44m, chiều rộng 3m. Đây là lối đi chung vào thửa đất của chị H, thửa đất số 34, tờ bản đồ số 03 của ông K, bà D, thửa đất số 34-1, tờ bản đồ số 03 của anh T (nay mang tên ông K, bà D) và thửa đất số 34-2, tờ bản đồ số 03 của chị L (con gái ông K, bà D). Ngày 06/4/2020, chị H được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất 292 nêu trên. Sau đó, chị dọn đất chuẩn bị xây dựng công trình thì bị ông K cản trở và cho rằng thửa đất của chị không có lối đi vào; vị trí mà chị cho là lối đi chung chính là đất của gia đình ông K. Chị khởi kiện, yêu cầu ông K tháo dỡ cổng, công trình để trả lại lối đi chung có chiều dài 25,44m như nêu trên.

Bị đơn là ông Đào Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị D trình bày: Trước đây, ông bà có thửa đất thổ cư số 34, tờ bản đồ 03, diện tích 577m^2 đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/7/2008 và thửa đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt liền kề số 292, tờ bản đồ số 42, diện tích 310,4m^2 đã được chuyển mục đích sử dụng sang đất ở. Năm 2016, ông bà tách thửa đất số 34 thành 03 thửa gồm: Thửa số 34, diện tích 350m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông K, bà D năm 2017; thửa số 34-1, diện tích 113m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đào Duy

T (con trai ông bà) vào năm 2017 và hiện nay thửa đất này đang mang tên ông bà; thửa đất số 34-2, diện tích 114m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đào Thị Phương L (con gái ông bà) vào năm 2017. Sau khi tách thửa thì tổng diện tích đất vẫn đảm bảo như diện tích từ thửa ban đầu. Kích thước các cạnh đất và vị trí từng thửa đất được thể hiện rõ tại trang III sơ đồ thửa đất của các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp nêu trên và tại trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính dùng cho việc tách thửa để chuyển quyền sử dụng đất. Tháng 3/2020, ông bà tiếp tục tặng cho anh T thửa đất số 292. Anh T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Sau đó, việc anh T chuyển nhượng lại thửa đất này cho chị H như thế nào thì ông bà không biết. Việc chị H căn cứ vào trích lục bản đồ địa chính lập ngày 09/4/2020 thể hiện có lối đi chung nằm giữa các thửa đất 34, 34-1, 43-2 và thửa 292 có chiều dài 25,44m là chưa chính xác, không phù hợp với bản đồ địa chính qua các thời kỳ. Bản trích lục này là do ông trực tiếp làm việc với chính quyền địa phương hỗ trợ mục đích để phục vụ cho việc vay vốn ngân hàng, không nhằm mục đích tách đất làm đường đi. Do vậy, ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thị Phương L trình bày: Chị được bố mẹ là ông K, bà D tặng cho riêng thửa đất số 34-2, tờ bản đồ 03, diện tích 114m^2 tại thôn X, xã Đ, huyện C. Thửa đất của chị giáp với thửa đất 43-1 (thửa đất này anh T đã chuyển nhượng lại cho ông K, bà D). Theo hình vẽ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phía trước thửa đất 34-2 của chị có đường đi. Đây là đường đi thửa đất của chị, chị H căn cứ vào trích lục bản đồ địa chính lập ngày 09/4/2020 để cho rằng giữa thửa đất 292 và các thửa đất mang tên ông K, bà D, thửa đất của chị có lối đi chung là chưa sát thực. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn C, bà Lương Thị H1, ông Đào Văn K1, bà Bùi Thị Đ, ông Hồ Văn P và bà Vũ Thị Hoài Ph trình bày: Gia đình các ông bà có đất giáp ranh liền kề với thửa đất số 292, tờ bản đồ số 42 mà anh T đã chuyển nhượng cho chị H. Quá trình sử dụng đất, mốc giới đất của các ông bà và thửa đất 292 ổn định, không có tranh chấp. Việc mua bán, chuyển nhượng đất giữa anh T và chị H cho nhau có đường đi vào thửa đất hay không thì các ông bà không biết, không liên quan đến các ông bà; gia đình các ông bà đều có đường đi riêng, không liên quan đến thửa đất của chị H nên không đồng ý bỏ một phần đất để làm lối đi vào thửa đất của chị H.

Tại bản án số 03/2022/DS-ST ngày 22/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 248, Điều 254 Bộ luật dân sự; Điều 171, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh H về yêu cầu trả lại lối đi chung. Buộc ông Đào Văn K, bà Đỗ Thị D phải tháo dỡ cổng, trụ cổng; hàng rào B40 và di dời chậu hoa để lại diện tích được giới hạn bởi các điểm PP'Q'GHH'IQP gồm diện tích

(14.1m^2 + 16.9m^2) là lối đi chung vào thửa đất số 292, tờ bản đồ số 42 chủ sử dụng Nguyễn Thanh H. Gia đình chị Nguyễn Thanh H, gia đình ông Đào Văn K, gia đình chị Đào Thị Phương L cùng sử dụng diện tích lối đi chung nêu trên (có sơ đồ kèm theo). Đối với diện tích sử dụng thực tế của thửa số 34, tờ bản đồ 03 của ông K, bà D (gồm 319m^2 diện tích theo kích thước số đo giấy chứng nhận + 34.2m^2 diện tích chênh lệch = 354m^2) có sự thay đổi về kích thước các cạnh của thửa đất so với giấy chứng nhận nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của các hộ liền kề; ông K, bà D có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với vị trí, kích thước các cạnh đất và diện tích thực tế gia đình đang sử dụng. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 04/8/2022, ông K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 03/8/2022, chị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm xác định diện tích lối đi chung chưa đầy đủ, cần xác định diện tích lối đi chung bao gồm cả diện tích 34,2m^2 được phản ánh trong sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án sơ thẩm theo hình OBP'PO.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị H giữ nguyên kháng cáo và xác định từ thời điểm nhận chuyển nhượng đất của anh Tùng cho đến nay lối đi chung mà chị khởi kiện vẫn chưa được hình thành trên thực tế, phần diện tích này vẫn nằm trong khuôn viên đất mà gia đình ông K, bà D đang sử dụng. Người đại diện theo ủy quyền của chị H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu sau để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị H: Trích lục bản đồ địa chính lập ngày 09/4/2020 do chính ông K xin trích đo thể hiện có lối đi chung nằm giữa các thửa đất 34, 34-1, 43-2 và thửa 292 có chiều dài 25,44m; các đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K, bà D; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông K, bà D và anh T, chị L; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất 34, 34-1, 34-2 đều có mặt tiền là toàn bộ lối đi chung dài 25,44m, diện tích được xác định là 34,2m^2 như sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm.

Ông K giữ nguyên kháng cáo, không đồng ý xác định cả phần diện tích đất theo yêu cầu kháng cáo của chị H là lối đi chung. Phần lối đi này gia đình ông để ra để làm lối đi chung vào các thửa đất của gia đình ông sau khi tách thửa đất 34 thành 03 thửa năm 2017, không có phần diện tích nào của thửa đất 292. Ông đồng ý để phần diện tích đất để làm lối đi chung để chị H có thể đi vào thửa đất của mình diện tích 16,9m^2 theo hình QQ'GHH'IQ trong sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm. Lối đi chung này sẽ đi vào các thửa đất của vợ chồng ông (thửa 34, 34-1), thửa đất của chị L và thửa đất số 292 của chị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của của chị H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H về

việc xác định lối đi chung có chiều dài 25,44m. Không chấp nhận kháng cáo của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị H và ông K kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, họ hoặc đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Nên, HĐXX căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của ông K và chị H:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy rằng: Theo hồ sơ địa chính 299 và 1993, hộ gia đình ông K, bà D được thừa kế sử dụng 02 thửa đất đó là thửa 34, tờ bản đồ số 03, diện tích 277m^2, được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 và thửa đất nuôi trồng thủy sản số 292, tờ bản đồ số 42 tại thôn X, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện trạng 02 thửa đất liền kề nhau, giữa 02 thửa đất không có lối đi chung, chỉ có một lối đi vào thửa đất ở. Năm 2017, vợ chồng ông K tách thửa đất 34 thành 03 thửa, gồm: Thửa số 34 mang tên ông K, bà D, diện tích 350m^2; thửa đất số 34-1, diện tích 113m^2 mang tên anh T (là con ông K, bà D); thửa đất số 34-2, diện tích 114m^2 mang tên chị L (là con gái ông K, bà D). Cả 03 thửa đất trên đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 11/10/2019, anh T đã chuyển nhượng thửa đất 34-1 cho chị Dương Thị Khánh L1, chị L1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất ngày 14/10/2019. Sau đó, chị L1 chuyển nhượng lại thửa đất này cho ông K, bà D và hiện nay thửa đất 34-1 mang tên ông K, bà D. Thửa đất 292, ông K, bà D đã làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng từ đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt sang đất ở và được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/02/2020. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K, bà D tặng cho anh T. Đến tháng 4/2020, anh T chuyển nhượng thửa đất trên cho chị H. Chị H đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất trên.

Quá trình sử dụng đất, tuy có việc tách thửa đất 34 thành các thửa đất khác nhau năm 2017 như nêu trên và khi tách đất thì ông K, bà D có để lại một phần diện tích đất để làm lối đi chung vào các thửa đất 34, 34-1 và 34-2 để đảm bảo điều kiện về lối đi của các thửa đất phía trong sau khi tách đất theo Luật đất đai như thể hiện tại trích lục bản đồ địa chính lập ngày 09/4/2020; các đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K, bà D; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông K, bà D và anh T, chị L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất 34, 34-1, 34-2. Nhưng, trên thực tế hộ gia đình ông K, bà D vẫn sử dụng chung 01 khuôn

viên, các thửa đất sau khi được tách không có ranh giới phân chia thửa, gia đình ông K, bà D vẫn sử dụng 01 lối đi vào thửa đất như hiện trạng hiện nay. Phần diện tích đất để làm lối đi theo hồ sơ tách đất nêu trên có nguồn gốc là đất của hộ ông K, bà D đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng, không có phần đất nào của thửa 292 và phần diện tích đất này hiện gia đình ông K, bà D vẫn đang sử dụng, chỉ những chủ sử dụng đất của các thửa 34, 34-1 và 34-2 mới có quyền sử dụng toàn bộ phần lối đi này. Thửa đất 292 trước đây là thửa đất ao, anh T và chị H chưa sử dụng và chưa xây dựng công trình. Tại hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây cho ông K, bà D và cho anh T, chị H sau này cũng chỉ thể hiện lối đi vào thửa đất là phần lối đi chung với khuôn viên thửa đất 34 trước đây. Nên, chị H căn cứ vào trích lục bản đồ địa chính lập ngày 09/4/2020 và hồ sơ tách đất năm 2017, giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất 34, 34-1 và 34-2 để cho rằng toàn bộ diện tích đất theo hình OBGHH'IO là lối đi chung chị có quyền sử dụng là không có cơ sở.

Thửa đất số 292 của chị H bị vây bọc bởi các thửa đất liền kề, nay chị H là chủ sử dụng độc lập nên chị H có quyền có lối đi chung cùng với phần lối đi mà ông K, bà D đang sử dụng và đã tách đất làm lối đi năm 2017 là phù hợp với Điều 254 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, thửa đất 34 và thửa 34-1 hiện nay đều thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông K, 02 thửa đất này vẫn chung 01 khuôn viên. Thửa đất 34-2 mang tên chị L, diện tích qua xem xét thẩm định tại chỗ và lồng ghép với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đảm bảo diện tích sau khi xác định phần đất làm lối đi chung có diện tích 16,9m^2 theo hình QQ'GHH'IQ như ý kiến của ông K tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ và phù hợp.

Từ nhận định trên, HĐXX thấy rằng có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K, nên kháng cáo của chị H không được chấp nhận. HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về việc xác định lối đi chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Đào Văn K. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thanh H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 248, Điều 254 Bộ luật dân sự; Điều 171, Điều 203 Luật đất đai; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 3012/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh H.

Xác định lối đi chung vào các thửa đất số 34, 34-1, 34-2 tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 292, tờ bản đồ số 92 tại thôn X, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương có diện tích 16,9m^2, được giới hạn bởi các điểm QQ'GHH'IQ trong sơ đồ kèm theo bản án. Buộc ông Đào Văn K và bà Đỗ Thị D phải tháo dỡ cổng, trụ cổng, hàng rào B40 và di dời chậu hoa để trả lại diện tích lối đi chung nêu trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đào Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Nguyễn Thanh H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000369 ngày 01/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Đào Văn K số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002302 ngày 04/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Trả lại chị Nguyễn Thanh H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002310 ngày 09/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Hải Dương;
- CC THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm